ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 579/KH-UBND	*Quảng Trị, ngày 11 tháng 02 năm 2026*

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 (viết tắt là Nghị quyết số 02/NQ-CP) tại tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh ban hành kế hoạch cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Việc xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động nhằm quán triệt và chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP. Xác định rõ trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của từng ngành, đơn vị, địa phương trong năm 2026, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2026.

- Kế hoạch hành động là căn cứ để các ngành, đơn vị và địa phương chủ động xây dựng kế hoạch hành động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện cụ thể của từng ngành, đơn vị và địa phương.

- Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa về môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2026 theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Yêu cầu:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu chủ động, tích cực trong công tác chỉ đạo, điều hành, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời và đầy đủ kế hoạch này; xác định rõ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên của tỉnh trong nhiệm kỳ này.

- Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm về các chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực phụ trách.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh phù hợp với bối cảnh trong tỉnh và xu thế phát triển nhằm nâng cao vị thế của tỉnh

nhà. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm công khai, minh bạch, ổn định, giảm chi phí tuân thủ, phù hợp với thông lệ quốc tế tốt, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh nhằm tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường; giảm tỷ lệ doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (tạm ngừng hoạt động hoặc phá sản, giải thể) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Số doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường năm 2026 tăng khoảng 15-20% so với năm 2025; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường năm 2026 tăng khoảng 10% so với năm 2025.

- Xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn và thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh nhằm thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

- Tạo được sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của cán bộ công chức viên chức về ý nghĩa, tầm quan trọng của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); về trách nhiệm của các Sở, ngành và địa phương trong việc nâng cao thứ bậc xếp hạng PCI của tỉnh, hướng tới sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Cải thiện các chỉ số phản ánh cảm nhận của người dân, doanh nghiệp đối với hoạt động của chính quyền các cấp liên quan đến môi trường đầu tư kinh doanh trong tỉnh như sau:

+ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Quảng Trị nằm top 20 của cả nước;

+ Chỉ số cải cách hành chính (PAR index): Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Quảng Trị đạt trên 88,87%;

+ Chỉ số sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt 86%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ:

- Triển khai một cách sâu sắc, toàn diện, quyết liệt những trụ cột thể chế nền tảng: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia;

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước. Việc thực hiện đồng bộ các quyết sách này nhằm tạo động lực mạnh mẽ đưa đất nước ta tiến lên trong kỷ nguyên mới, hiện thực hóa tầm nhìn Việt Nam phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045.

- Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả các chỉ đạo về sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; chủ động khắc phục hạn chế, vướng mắc trong vận hành chính quyền cấp xã.

- Thực hiện đầy đủ, nhất quán và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Kế hoạch này để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2026.

2. Giải pháp

2.1. Các giải pháp trọng tâm:

- Đẩy mạnh hoàn thiện đồng bộ các quy định để xây dựng giải pháp đột phá về cơ chế chính sách; tháo gỡ dứt điểm các bất cập, điểm nghẽn về pháp lý. Đổi mới tư duy tổ chức thực thi pháp luật, sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế.

- Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền cắt giảm và chuẩn hóa các điều kiện kinh doanh đảm bảo tính hợp lý, minh bạch theo hướng chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm.

- Rà soát, kiến nghị và theo thẩm quyền thực hiện cải cách quy định thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trong đó, bên cạnh các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nêu tại Phụ lục I, II Kế hoạch này, các Sở, ban, ngành, địa phương cần tập trung nguồn lực đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để tháo gỡ các rào cản, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị. Đổi mới toàn diện việc thực hiện thủ tục hành chính chuyển từ "bị động" sang "chủ động phục vụ", không phụ thuộc vào địa giới hành chính và hoàn toàn dựa trên dữ liệu; tăng cường chỉ đạo điều hành, giám sát đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp tại các Sở, ban, ngành, địa phương trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân.

- Ưu tiên khơi thông nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp tiếp cận vốn, đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh và nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân trong nước và kinh tế nhà nước phát triển bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, tập trung thu hút và làm chủ công nghệ cao, tiên tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả, bền vững.

- Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh. Xây dựng một hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ đầy đủ, chuyên nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của hoạt động kinh doanh.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra (bao gồm cả kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa), giảm gánh nặng cho doanh nghiệp.

2.2. Các giải pháp cụ thể:Các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ được phân công tại **Phụ lục II** đính kèm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Trên cơ sở những nội dung chủ yếu trong Kế hoạch hành động này, Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu:

- Xác định cải thiện môi trường kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên; trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch hành động này.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Kế hoạch, đồng thời công khai các kết quả kiểm tra, giám sát. Phân công đơn vị làm đầu mối thực hiện tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình cải thiện môi trường kinh doanh của sở, ngành và địa phương.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông về cải thiện môi trường kinh doanh thuộc phạm vi trách nhiệm của đơn vị, địa phương.

- Thường xuyên chủ trì, phối hợp với Hội doanh nghiệp, các hội, hiệp hội liên quan để tổ chức các hoạt động đối thoại với người dân, doanh nghiệp, kịp thời nắm bắt các phản hồi chính sách và giải quyết các khó khăn, vướng mắc; đảm bảo đối thoại thực chất, giải quyết ngay được các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; đổi mới việc tiếp nhận thông tin, phản ánh của doanh nghiệp và các nhà đầu tư để phòng ngừa các tranh chấp về thương mại và đầu tư.

-Trước ngày 20 tháng 5 và ngày 20 tháng 11 năm 2026, báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch giữa năm và 01 năm, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25 tháng 5 và ngày 25 tháng 11 năm 2026.

2. Sở Tài chính:

- Trên cơ sở báo cáo của các sở, ngành, địa phương, tham mưu tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của UBND tỉnh, gửi Bộ Tài chính và Văn phòng Chính phủ theo tiến độ yêu cầu.

- Định kỳ hàng quý phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu tổ chức Hội nghị gặp mặt doanh nghiệp để lắng nghe, nhận diện các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để kịp thời chỉ đạo tháo gỡ.

3. Văn phòng UBND tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, đánh giá tình hình và kết quả ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính; kịp thời báo cáo UBND tỉnh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Định kỳ tham mưu UBND tỉnh tổ chức làm việc với Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Trị về công tác cải cách thủ tục hành chính liên quan đến sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân.

5. Hội Doanh nghiệp tỉnh theo dõi, đánh giá độc lập, thường xuyên về tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch hành động. Chủ động kết nối các doanh nghiệp/nhà đầu tư để cung cấp, cập nhật đầy đủ kịp thời các thông tin nhằm đánh giá, xếp hạng khách quan và chính xác.

6. Báo và phát thanh - truyền hình tỉnh và các cơ quan báo chí chủ động hỗ trợ các sở, ngành, địa phương tổ chức truyền thông, quán triệt, phổ biến Kế hoạch hành động sâu rộng trong các ngành, các cấp và đến người dân, doanh nghiệp; tăng cường sự theo dõi, giám sát của các cơ quan truyền thông, báo chí trong thực hiện Kế hoạch hành động.

7. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Uỷ ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Báo và Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nam

PHỤ LỤC I: CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ CÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số: 579./KH-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Các sở, ngành địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	%	Tối thiểu 80%	Các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
3	Tỉ lệ xử lý, phản ánh, kiến nghị đúng hạn	%	100	Các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh
4	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	Tối thiểu 90%	Các sở, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh

PHỤ LỤC II: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHI TIẾT

(Kèm theo Kế hoạch số:……. /KH-UBND ngày …tháng …năm 2026 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	**Đẩy mạnh hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật để xây dựng giải pháp đột phá về thể chế, cơ chế chính sách; tháo gỡ dứt điểm các bất cập, điểm nghẽn về pháp lý. Đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế**			
1.1	Trong phạm vi thẩm quyền, chủ động và khẩn trương tháo gỡ triệt để các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, khác nhau của các quy định pháp luật. Đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền thì tập hợp vấn đề kèm theo các giải pháp tương ứng (nếu có) để kiến nghị tới các cơ quan có thẩm quyền.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
1.2	Rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật; kịp thời tổng hợp nội dung báo cáo của các Sở, ban, ngành, địa phương về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật, xác định các vướng mắc, điểm nghẽn cần tập trung tháo gỡ để báo cáo UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, báo cáo Quốc hội xem xét, ban hành văn bản phù hợp, để xử lý ngay, xử lý hiệu quả các bất cập, vướng mắc pháp lý phát sinh trong thực tiễn, cản trở sự phát triển.	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
1.3	Nghiên cứu, rà soát các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho các tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Theo tiến độ của việc sửa đổi bổ sung Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.4	Thực hiện cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, Cổng thông tin điện tử tỉnh và Công báo tỉnh để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật. Đẩy mạnh thực hiện kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong quá trình tra cứu, khai thác các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh	Sở Tư pháp (đối với việc cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật); Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh - Văn phòng UBND tỉnh (đối với việc cập nhật Cổng thông tin điện tử tỉnh và Công báo tỉnh)	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
2	**Tiếp tục rà soát và nâng cao chất lượng danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện. Cắt giảm và chuẩn hóa các điều kiện kinh doanh đảm bảo tính hợp lý, minh bạch theo hướng chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm.**			
2.1	Chủ động rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh theo hướng: (i) Bãi bỏ điều kiện kinh doanh không hợp pháp, chồng chéo, không cần thiết, không khả thi, quy định chung chung, không cụ thể, khó xác định, khó dự đoán, và không dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng; (ii) Đối với các điều kiện kinh doanh (thuộc danh mục phải cấp phép, chứng nhận trước) chưa phù hợp với thực tiễn thì kiến nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản hoá, tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ; rà soát các loại chứng chỉ và kiến nghị bãi bỏ	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên

	chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ, giấy phép, chứng nhận có sự trùng lặp về nội dung để tránh lãng phí chi phí của xã hội; (iii) Đối với các điều kiện kinh doanh (quản lý theo phương thức hậu kiểm) phải đảm bảo khi tiến hành kiểm tra, không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp			
2.2	Chủ động nghiên cứu, rà soát ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; kiến nghị đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng các biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn. Trường hợp cần thiết đề xuất bổ sung ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì phải có báo cáo đánh giá tác động toàn diện.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
2.3	Cắt giảm, đơn giản hoá 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Năm 2026
2.4	Thường xuyên rà soát, cập nhật ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; gửi về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
3	**Cải cách quy định thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.**			
3.1	Tổ chức thực hiện cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên

3.2	Rà soát, sửa đổi các quy định không phù hợp với việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính và triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; rà soát, chuẩn hóa các kết quả giải quyết thủ tục hành chính; gắn mã số kết quả giải quyết đã chuẩn hóa với thành phần hồ sơ của các thủ tục hành chính làm cơ sở kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu, phục vụ cắt giảm hồ sơ, giấy tờ, bảo đảm chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
3.3	Hoàn thành mục tiêu 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ và 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
3.4	Tập trung góp ý, xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, phân cấp giải quyết thủ tục hành chính, cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo hướng một văn bản sửa nhiều văn bản.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
3.5	Tăng cường kiểm soát quy định thủ tục hành chính ngay trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chú trọng việc tham vấn đối tượng chịu tác động; bảo đảm chỉ ban hành các quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý, thực hiện trên môi trường điện tử và chi phí tuân thủ thấp nhất.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
3.6	Phát huy vai trò, nâng cao chất lượng thẩm định thủ tục hành chính, quy định kinh doanh tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
3.7	Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tập trung nguồn lực đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Năm 2026

3.8	Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và ưu tiên xây dựng, tích hợp, cung cấp các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ở mức độ toàn trình.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
3.9	Chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý về tinh thần, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp; phê bình, xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; ngăn chặn, đẩy lùi, chấm dứt ngay tình trạng doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức trong thực hiện thủ tục hành chính.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
3.10	Tăng cường tuyên truyền để nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, cũng như trách nhiệm của cơ quan nhà nước chuyển từ nền hành chính công vụ, quản lý là chủ yếu sang phục vụ và kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ động, tận tụy giải quyết vướng mắc cho doanh nghiệp. Tuyên truyền để các doanh nghiệp không thao túng, trục lợi chính sách, lợi dụng, làm tha hóa cán bộ, công chức, đồng thời kiên quyết từ chối trả chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính và các hoạt động khác; phản ánh trung thực, kịp thời đến đường dây nóng của các Sở, ban, ngành, địa phương trong trường hợp bị gây khó khăn.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên
3.11	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính, nhất là ở cấp cơ sở; nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ từ tỉnh tới xã, phường, đặc khu phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số hiện nay, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên

4	**Ưu tiên khơi thông nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp tiếp cận vốn, đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh và nguồn nhân lực chất lượng cao.**			
4.1	Tiếp tục rà soát, chuẩn hoá Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; Hướng dẫn về quản lý và khai thác dữ liệu về đất đai trong phạm vi địa phương theo quy định và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương, Công an tỉnh	Năm 2026
4.2	Kịp thời công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn; tích cực phối hợp với tổ chức chính trị, xã hội hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác giải phóng mặt bằng.	Các địa phương		Thường xuyên
4.3	Triệt để ứng dụng chuyển đổi số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, giảm thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
4.4	Khẩn trương rà soát, thống nhất với Sở Tài chính phương án xử lý đối với nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương để cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê phục vụ sản xuất, kinh doanh.	Các địa phương		Thường xuyên
4.5	Chỉ đạo các tổ chức tín dụng đẩy mạnh triển khai nâng cao khả năng tiếp cận vốn của người dân và doanh nghiệp.	Ngân hàng Nhà nước Khu vực 8		Thường xuyên
4.6	Đẩy mạnh cơ chế chia sẻ thông tin giữa hệ thống ngân hàng, thuế và các cơ quan liên quan đảm bảo thống nhất dữ liệu về tình hình hoạt động và tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để tăng cường cho vay với các đối tượng này.	Ngân hàng Nhà nước Khu vực 8		Thường xuyên
4.7	Sử dụng hiệu quả Cổng một cửa đầu tư quốc gia để thu hút, xúc tiến và giải quyết các thủ tục đầu tư theo mô hình một cửa.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Năm 2026

5	**Hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân trong nước và kinh tế nhà nước phát triển bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, tập trung thu hút và làm chủ công nghệ cao, tiên tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả, bền vững.**			
5.1	Nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản để phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Trong đó, chú trọng hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm: (i) Thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ; nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao công nghệ; và (ii) Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các quốc gia tiên tiến, nhất là trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, bán dẫn và năng lượng tái tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
5.2	Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan		Thường xuyên
5.3	Góp ý Sửa đổi, bổ sung Luật Du lịch năm 2017 theo hướng quy định các khu, điểm du lịch phải được công nhận là khu du lịch cấp tỉnh, điểm du lịch mới được tổ chức kinh doanh hoạt động du lịch nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch; nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch		Năm 2026
5.4	Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng, nông nghiệp, nông thôn gắn với việc xây dựng thương hiệu đặc trưng của địa phương.	Các địa phương		Thường xuyên
5.5	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nguồn nhân lực số và nhân lực công nghệ cao, có khả năng làm chủ công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và định hướng phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên

6	**Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh. Xây dựng một hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ đầy đủ, chuyên nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của hoạt động kinh doanh.**			
6.1	Rà soát, góp ý sửa đổi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để thể chế hóa đầy đủ định hướng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Tháng 6/2026
6.2	Nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; chú trọng giải pháp tư vấn, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp với các nội dung tái cấu trúc doanh nghiệp, tài chính, nhân sự, thị trường, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tham gia chuỗi giá trị bền vững, thủ tục hành chính,...	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan		Thường xuyên
6.3	Đa dạng hóa và phát triển hiệu quả hệ thống dịch vụ phát triển kinh doanh, vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở kỹ thuật dùng chung, hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan		Thường xuyên
6.4	Triển khai sâu rộng các hoạt động cung cấp thông tin, kết nối, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp trong nước. Đặc biệt, chú trọng tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại đến các thị trường xuất khẩu. Đồng thời, hỗ trợ hàng hóa trong nước tiếp cận mạng lưới hệ thống bán lẻ tại nước ngoài.	Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
6.5	Kịp thời cập nhật, tuyên truyền, phổ biến về các hàng rào kỹ thuật, các biện pháp phòng vệ thương mại trong thương mại quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh chủ động nắm bắt, ứng phó kịp thời với các vụ việc phòng vệ thương mại do nước ngoài điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên

6.6	Chủ động phối hợp rà soát và cập nhật, chuẩn hoá thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về ngành hàng; thị trường; quy định, tiêu chuẩn, điều kiện nhập khẩu của các nước và các cam kết theo các Hiệp định thương mại tự do và các cam kết quốc tế khác. Thực hiện hỗ trợ miễn phí các thông tin này cho doanh nghiệp.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
6.7	Tuyên truyền và nâng cao hiệu quả công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
6.8	Thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuyển đổi số, mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực,... tương ứng với các nhiệm vụ được giao trong các văn bản pháp luật có liên quan.	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Hội doanh nghiệp	Thường xuyên
6.9	Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng các mô hình chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững.	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Hội doanh nghiệp	Thường xuyên
6.10	Nâng cao chất lượng các kênh phản ánh thông tin từ người dân, doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc.	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan		Thường xuyên
7.	**Rà soát, sửa đổi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để thể chế hóa đầy đủ định hướng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.**			
7.1	Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo hướng chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lắp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên	Năm 2026

	năm 1 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng thanh tra, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật		quan	
7.2	Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp.	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
7.3	Tiếp tục rà soát, kiến nghị cắt giảm danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để tạo điều kiện thuận lợi thương mại.	Các Sở, ban, ngành quản lý danh mục hàng hóa thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành		
7.4	Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất sửa đổi chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến giải pháp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN; kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh; quản lý, vận hành, trao đổi, chia sẻ dữ liệu thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.	Sở Công Thương, Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Năm 2026
7.5	Nghiên cứu, kiến nghị xây dựng trung tâm cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh để thực hiện quản lý hoạt động kiểm tra chuyên ngành của địa phương thống nhất trên phạm vi cả nước.	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Năm 2026
7.6	Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất sửa đổi chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan kiểm tra, thanh tra.	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Năm 2026